

VAI TRÒ CỦA CHÚA NGUYỄN VÀ TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Bút tích xưa nhất và cũng đầy đủ nhất được thấy qua một số cổ thư nước ta vào thế kỉ XVIII với các sử gia hai triều Lê, Nguyễn.

1) Lê Quý Đôn với *Phủ biên tạp lục*

Phủ biên tạp lục là tên một bộ sách do Lê Quý Đôn⁽¹⁾ viết vào thời gian ông trấn nhậm tại hai đạo Thuận Hóa và Quảng Nam (bây giờ thuộc tỉnh Quảng Bình và các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định). Đây là ranh giới Việt Nam và Chiêm Thành vào thế kỉ XVI. Bộ sách này có giá trị lớn về văn học, lịch sử, địa lí, hay nói một cách rộng hơn, đây là một tác phẩm văn hóa sử Việt Nam.

Sách viết về các việc phức tạp, chi tiết trong công cuộc phủ dụ, trấn an các khu vực biên thùy vào cuối đời nhà Lê.

Trong thời gian làm việc tại đây, tác giả đã sưu tầm, nghiên cứu về các sinh hoạt văn hóa vật chất, tinh thần của nhân dân tại vùng phía Bắc xứ Đàng Trong. Đây là địa điểm Chúa Nguyễn đặt căn cứ để nhìn về miền Nam trong công cuộc mở mang bờ cõi vào phương Nam trên bước đường mở nước và giữ nước của tiền nhân ta.

Tác giả cho biết ông đã nghiên cứu bằng cách trực tiếp gặp gỡ các thân hào,

(1) Lê Quý Đôn (năm 1726-1784): nhà văn, nhà nghiên cứu, sử gia Việt Nam. Hồi còn nhỏ có tên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường; Quê làng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, trấn Sơn Nam, tỉnh Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Thái Bình).

Thuở nhỏ thông minh, hiếu học. Năm 17 tuổi, ông thi đỗ Giải nguyên, 23 tuổi đỗ Hội nguyên và vào thi Đình đỗ Bảng nhãn.

Sau khi thi đỗ, ông được bổ làm việc ở viện Thi thư, năm 1760, đi sứ Trung Quốc. Năm 1775 ông làm Tổng tài Quốc sử quán, sau đó vào trấn nhậm hai xứ Thuận, Quảng. Tại đây, ông viết *Phủ biên tạp lục*.

Năm 1778 ông được bổ làm Hành Tham tụng tại triều, rồi Thượng thư bộ Công. Ông mất ngày 14-4 năm Giáp Thìn (năm 1784), hưởng thọ 59 tuổi.

Ngoài một quan lại cao cấp, Lê Quý Đôn còn là một nhà bác học, một nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỉ XVIII. Ngoài *Phủ biên tạp lục*, ông còn là tác giả hàng chục bộ sách rất có giá trị về văn học, văn hóa Việt Nam như: *Kiến văn tiểu lục*, *Vân đài loại ngữ*, *Quần thư khảo biên*, *Dịch kinh phu thuyết*, *Thư kinh diễn nghĩa*, *Thánh hiền mô phạm lục*, *Toàn Việt thi lục*, *Hoàng Việt văn hải*...

bô lão, nhân sĩ... ở mỗi địa phương ông đã kinh qua. Sách được viết vào năm 1776, khi ông đang làm việc tại đây.

Phủ biên tạp lục có nghĩa là ghi những việc đang xảy ra và cách giải quyết các vấn đề phủ dụ, trấn an ở vùng biên thùy phía Nam này.

Nội dung và chủ đề bao quát như tên gọi của nó, nên sách gồm tất cả sáu quyển, mỗi quyển viết từng vấn đề.

– *Quyển I*: Viết về sự tích khai khẩn, khôi phục lại hai xứ Thuận Hóa. Quảng Nam gồm các phủ, huyện tổng, xã.

– *Quyển II*: Viết về hình thể, sông núi, thành lũy, đường sá, trạm dịch của hai xứ Thuận Quảng.

– *Quyển III*: Viết về ruộng nương, vườn tược công, tư, lệ thu mua sản vật nông nghiệp, luật lệ quân sự, quan chức của hai xứ Thuận, Quảng.

– *Quyển IV*: Viết về nhân tài và thơ văn của các tỉnh phía Nam.

– *Quyển VI*: Viết về sản vật và phong tục.

Riêng quyển II, có hai đoạn chi tiết đề cập vấn đề Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Như đã nói, *Phủ biên tạp lục* là một sử liệu đầy đủ và chính xác nhất được tác giả trình bày khá tỉ mỉ về Hoàng Sa, Trường Sa vào lúc chưa có nhà nghiên cứu nào trong nước, cũng như nước ngoài viết tường tận như Lê Quý Đôn.

Sách này các năm 1964, đã được dịch sang tiếng Việt⁽¹⁾ và tàng trữ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn với kí hiệu (VD, 9) hiện nay có kí hiệu HNV 177, 178, 201, lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đây là đoạn tác giả viết về Hoàng Sa và Trường Sa:

撫邊雜錄卷之二

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化鎮協鎮撫右
勝奇八侍陪從戶部左侍郎穎城侯黎貴惇撰

廣義府平山縣安永社大海門外有山名叻勞羅廣可
三十餘里舊有四政坊居民豆田出海四更可到其外
大長沙島舊多海物舶貨立黃沙隊以採之行三日夜
始到乃近於北海之處。

廣義府平山縣安永社居近海海外之東北有島嶼焉
詳山零星一百十餘嶺山間出海相隔或一日或數更

(1) Tham khảo bản dịch *Phủ biên tạp lục* của Hoàng Lộc, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1964, hoặc bản dịch của Lê Xuân Giáo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1972, Sài Gòn. Bản sau có in kèm nguyên bản chữ Hán.

山上間有甘泉島之中有黃沙渚長約三十餘里平坦
廣大水清徹底島傍燕窩無數衆鳥以萬千計見人環
集不避渚邊奇物甚多其文螺有名沃認爲大如席腹
有粒如指大色濁不及蚌珠其殼可割成碑又可作灰
屋有名沃碑礮可飭器用有名沃香諸螺肉皆可醃煮
玳瑁甚大有名海巴俗曰壯芘亦似玳瑁而小甲薄可
飭器皿卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳
渚旁採取以石灰擦過去腸洒乾食時田蟹水浸之刮
淨同蝦豬肉亦好諸蕃舶多遭風依於此島前阮氏置
黃沙隊七十率以安永人充之輪番每歲以正月受示
行差齎六月糧駕私小釣船五隻出洋三月三夜始至
此島居駐恣情採取捕魚鳥爲食所得物馬劍銀花
銀錢銀環銅器錫塊烏鉛銃口象牙貢蠟氈具磁器與
採玳瑁甲海參文螺粒頗多以八月期回入腰門就富
春城投納秤驗定項訖始許私賣文螺海巴海參諸物
領憑返回其所得多少不定亦有空行者曾查舊該隊
全德侯編簿壬午年採得銀三十笏甲申年得錫五千
一百斤乙酉年得銀一百二十六笏自己丑至癸巳五
年間歲只得玳瑁海參幾斤間有錫塊石碗與銅銃二

阮氏又置北海隊無定數或平順省府四政村
人或景陽社人有情願者付示差行免其搜錢與各巡
渡錢使駕私小釣船往北海崑崙岫嶗河河仙群寺等
處採取玳瑁海巴及豚魚力貴魚海參等項亦令該黃
沙隊并管不過採諸海物金銀重貨罕有所得

黃沙渚正近海南廉州府船人辰遇北國漁舟洋中相
問常見瓊州文昌縣正堂官查順化公文內稱乾隆十
八年安南廣義府彰義縣割鑷隊安平社軍人名於七
月往萬里長沙採拾各物八名登岸尋覓各物只存二
名守船狂風斷捉漂入青瀾港伊官查寔押送回籍阮
福澗令順化該簿試量侯爲書以復

Âm:

Phủ biên tạp lục, quyển chi nhị,

Phụng sai Thuận Hóa Quảng Nam đẳng đạo.

Tham thị tham tán quân cơ, Thuận Hóa trấn Hiệp trấn phủ hữu thăng cơ, nhập thị Bồi tụng, Hộ bộ Tả, Thị Lang, Dinh Thành hầu Lê Quý Đôn soạn.

Quảng Nghĩa phủ, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã, Đại Hải môn ngoại hữu sơn danh Cù lao Ré, quảng khả tam thập dư lí, cự hữu Tứ chính phường cư dân đậu điền, xuất hải tứ canh khả đảo, kì ngoại Đại Trường Sa đảo cự đa hải vật bạc hóa, tập Hoàng Sa đội dĩ thái chi. Hành tam nhật dạ thi đảo, nãi cận ư Bắc hải chi xứ (tờ 78b - 79a).

... Quang Nghĩa phủ, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã cư cận hải. Hải ngoại chi đông bắc hữu đảo dự yên, quần sơn linh tinh nhất bách thập dư đỉnh. Sơn gian xuất hải tương cách hoặc nhất nhật hoặc sổ canh. Sơn thượng gian hữu cam tuyến. Đảo chi trung hữu Hoàng Sa chữ, trường ước tam thập dư lí, bình thân, quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến oa vô số, chúng điều dĩ vạn, thiên kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chữ biên kì vật thậm đa kì, văn loa hữu danh “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lập như chỉ đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bi, hựu khả tác khô nê đồ, hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí dụng, hữu danh “ốc hương”, chư loa nhục giai khả yêm chữ. Đại mọi thậm đại, hữu danh “hải ba” tục viết “tráng bông” diệc tự đại mọi nhi tiểu giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn tư cự chỉ đầu, khả yêm thực, hữu danh “hải sâm”, tục viết “đọt đọt”, du vịnh chữ bàng, thái thủ dĩ thạch khô sát quá khứ trường sái càn, thực thời điền giải thủy tắm chi, quát tịnh đồng hà trư nhục diệc hảo. Chư phồn bạc đa tao phong y cư thử đảo.

Tiền Nguyễn thị trí Hoàng Sa đội thất thập suất, dĩ An Vĩnh nhân sung chi, luân phiên mỗi tuế dĩ chính nguyệt thụ thị hành sai, tê lục nguyệt lương, giá tư tiểu diếu thuyền ngũ chích xuất dương tam dạ thi chí thử đảo cư trú, tứ tình thái thủ, bổ ngư diếu vi thực. Sở đắc lỗ vật mã kiếm, ngân hoa, ngân tiền, ngân hoàn, đồng khí, tích khối, ô diên, súng khẩu, tượng nha, hoàng lập, chiến cụ, từ khí dữ thái đại mọi giáp, hải sâm, văn loa lập phủ đa. Dĩ bát nguyệt kỳ hồi nhập Yêu môn, tự Phú Xuân thành đầu nạp. Xứng nghiệm định hạng ngật thử hứa tư mại văn loa, hải ba, hải sâm chư vật lãnh bằng phản hồi. Kì sở đắc đa thiếu bất định, diệc hữu không hành giả. Tầng tra cự cai đội Thuyền Đức hầu biên bộ: Nhâm Ngọ niên thái đắc ngân tam thập hốt: Giáp Thân niên đắc tích ngũ thiên nhất bách cân: Ất Dậu niên đắc ngân nhất bách nhị thập lục hốt. Tự Kỷ Sửu chí Quý Tị ngũ niên gian tuế chỉ đắc đại mọi, hải sâm kỉ cân, gian hữu tích khối thạch uyển dữ đồng súng nhị khẩu nhi dĩ.

Nguyễn thị hựu trí Bắc hải đội vô định số, hoặc Bình Thuận phủ Tứ Chánh

thôn nhân, hoặc Cảnh Dương xã nhân hữu tình nguyện giả, phó thị sai hành, miếu kì sưu tiền dữ các tuần độ tiền, sử giá tư tiểu điếu thuyền vãng Bắc hải, Côn Lôn, Cù Lao, Hà Tiên, Côn tự đẳng xứ thái thủ đại mọi, hải ba cập đồn ngư, lục quý ngư, hải sâm đẳng hạng, diệc lệnh cai Hoàng Sa đội tinh quân, bất quá thái chư hải vật, kim ngân trọng hóa hãn hữu sở đắc.

Hoàng Sa chủ chính cận Hải Nam Liêm Châu phủ. Thuyền nhân thời ngô Bắc quốc ngư châu, dương trung tương vấn, thường kiến Quỳnh Châu Văn Xương huyện Chính đường quan tra Thuận Hóa công văn nội xưng Càn Long thập bát niên, An Nam Quảng Nghĩa phủ Chương Nghĩa huyện Cát Liêm đội An Bình xã quân nhân thập danh, u thất nguyệt vãng Vạn Lí Trường Sa thái thập các vật. Bát danh đăng ngạn, tầm mịch các vật, chỉ tồn nhị danh thủ thuyền. Cuồng phong đoạn tróc phiêu nhập Thanh Lan cảng, y quan tra thực áp tống hồi tịch. Nguyễn Phúc Chu lệnh Thuận Hóa cai ba Thức lượng hầu vi thư dĩ phục (tờ 82b - 85a).

Dịch nghĩa:

Phủ biên tạp lục quyển thứ II

Soạn giả là Lê Quý Đôn, người vâng mệnh Hoàng đế làm chức Tham thị Tham tán quân cơ hai đạo Thuận Hóa, Quảng Nam, lãnh chức Hiệp trấn phủ trấn Thuận Hóa, kiêm quản Hữu Thắng cơ, đồng thời lãnh chức Nhập thị Bồi tụng hộ Bộ Tả Thị lang, được phong tước Dĩnh thành hầu.

Ở ngoài cửa biển lớn thuộc về địa phận xã An Vĩnh⁽¹⁾ huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa⁽²⁾ có một hòn núi mang tên là Cù lao Ré, chiều rộng núi này khoảng hơn 30 dặm. Ngày trước có dân cư phường Tư Chánh trồng các thứ cây đậu tại ruộng (nuong) nơi đó. Người ta ra biển rồi chèo thuyền đi bốn trống canh nữa là có thể đến Cù lao Ré.

Ở ngoài Cù lao Ré có đảo Đại Trường Sa, ngày trước nơi đây thường sản xuất nhiều hải vật chở đi bán các nơi nên nhà nước có thiết lập đội Hoàng Sa để thu nhặt các hải vật. Người ta phải đi ba ngày đêm mới đến được đảo Đại Trường Sa ấy. Như thế là đảo Đại Trường Sa đã đến gần xứ Bắc Hải (tờ 78b - 79a). (...)

Xã An Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa ở gần biển, về hướng Đông Bắc, ngoài biển có nhiều đảo và có nhiều núi linh tinh, có hơn 130 ngọn. Giữa các núi là biển, cách nhau có chỗ hoặc một ngày đường biển, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi (đảo) thỉnh thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo có bãi cát vàng, dài khoảng hơn 30 dặm bằng phẳng và rộng lớn, nước trong nhìn tận đáy. Ở bên các hòn đảo có vô số tổ yến (yến sào) còn các

(1) An Vĩnh một trong hai xã (An Vĩnh, An Hải) thuộc Cù lao Ré tức đảo Li Sơn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

(2) Phủ Quang Nghĩa: đời nhà Nguyễn đổi làm tỉnh Quảng Nghĩa, nay gọi là tỉnh Quảng Ngãi.

thứ chim thì kể có hàng ngàn, hàng vạn con: hề thấy người chúng vẫn cứ đậu chung quanh mà không hề tránh né gì cả. Trên bãi có rất nhiều hải vật lạ như ốc hoa, có thứ mang tên “ốc tai voi”, lớn như chiếc chiếu, dưới bụng có từng hạt như ngón tay trở lớn, sắc đục không bằng sắc con trai châu. Vỏ ốc ấy có thể tách ra thành phiến, vỏ ốc cũng có thể làm vôi (để quét nhà, xây nhà). Lại có thứ ốc gọi là “ốc xa cừ”, người ta có thể dùng vỏ thứ ốc này để trang sức các đồ dùng. Lại có thứ ốc khác được gọi là “ốc hương”. Thịt các thứ ốc đều có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

Có thứ “đại mạo” (hay đại mồi) là con đồi mồi rất lớn, có con hải ba (ba ba biển), mà tục gọi là “con trắng bông”, cũng giống như con đồi mồi, nhưng nhỏ hơn. Mai của chúng mỏng, người ta có thể dùng trang sức các đồ dùng, trứng giống như đầu ngón tay cái, có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

Lại có con hải sâm, tục gọi là con “đột đột”. Người ta lặn xuống bãi, bắt được hải sâm, rồi lấy vôi xát, bỏ ruột đi, phơi khô. Đến khi ăn dùng nước cua ngâm rồi nạo cho sạch sẽ, trộn với thịt heo và tôm ăn ngon hơn.

Những thuyền lớn đi biển của người Phiên thường khi gặp gió, đều nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, họ Nguyễn⁽¹⁾ thiết lập một đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An Vĩnh bổ sung vào. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển, lấy tháng Giêng, ra đi nhận lãnh chỉ thị làm sai dịch. Đội Hoàng Sa nay được cấp phát mỗi người 6 tháng lương. Họ chèo 5 chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển cả ba ngày ba đêm mới đến đảo (tức đảo Hoàng Sa). Họ tha hồ lượm nhặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ lượm được những đồ hải vật như guom, ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ dùng, thiết khối, chì đen, súng ống, ngà voi, sáp ong vàng, đồ chiên dạ, đồ sứ... Họ còn lượm nhặt những vỏ đồi mồi, những con hải ba, những hạt con ốc hoa thật là nhiều.

Đến kì tháng 3, đội Hoàng Sa ấy mới về cửa Eo⁽²⁾ rồi họ tới thành Phú Xuân trình nạp các vật hạng đã lượm được, người ta cân, khám nghiệm và định xong đẳng hạng các sản vật, rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc hoa, hải ba, hải sâm. Bây giờ đội ấy được nhận lãnh bằng cấp trở về nhà. Những vật hạng lượm nhặt được ngoài biển có khi nhiều, khi ít không nhất định, cũng có lần họ ra đi rồi trở về không.

Tôi (Lê Quý Đôn) từng tra khảo sổ biên của cai đội Thuyền Đức hầu ngày trước như sau:

(1) Họ Nguyễn: chỉ các Chúa Nguyễn, việc này xảy ra vào đời các chúa Nguyễn Phúc Trăn (năm 1687-1691) Nguyễn Phú Trú (năm 1725-1738) Nguyễn Phúc Khoát (năm 1738-1765).

(2) Cửa Eo : tức Yêu môn. Cửa này đến năm Gia Long 13 đổi là Thuận An.

Năm Nhâm Ngọ (tức năm 1702), đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi.

Năm Giáp Thân (tức năm 1704), thu được thiếc 5.100 cân.

Năm Ất Dậu (tức năm 1705), thu được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quý Tị (1713) tức trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy cân đồi mồi và hải sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

Họ Nguyễn còn thiết lập thêm đội Bắc Hải. Đội này không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn lấy người thôn Tư Chánh (ở gần bờ biển) thuộc phủ Bình Thuận, hoặc chọn lấy người Cảnh Dương (sát cửa biển Ròn?), lấy những người lính tình nguyện bổ sung vào đội Bắc Hải. Quan địa phương cấp phát giấy chứng nhận (tức văn bằng) và chỉ thị sai phái ấy đi làm công tác.

Những người được bổ sung vào đội Bắc Hải đều được miễn nộp tiền sưu cùng các thứ tiền lát vật như tiền đi qua đồn tuần, qua đò...

Quan trên khiến những người trong đội chèo thuyền tư và thuyền nhỏ câu cá ra Cù lao Côn Lôn ở giữa Bắc Hải, hoặc đi đến xứ Côn Tư thuộc vùng Hà Tiên để tìm kiếm, lượm nhặt những hạng đại mồi, hải ba, đồn ngư (cá heo lớn như con heo), lực quý ngư, hải sâm (con đĩa biển).

Nhà nước sai chức cai đội Hoàng Sa kiêm lãnh đội Bắc Hải này, vì chẳng qua họ chỉ lấy được những hải vật kể trên mà thôi. Còn như vàng bạc và các của cải quý báu khác thì ít khi họ tìm kiếm được.

(...) Những người nước ta đi thuyền, đôi khi gặp những thuyền đánh cá của người Bắc quốc (tức Trung Quốc) ở ngoài biển. Giữa biển cả, người hai nước hỏi nhau, người ta thường lấy công văn của chính viên Đường quan huyện Văn Xương thuộc Quỳnh Châu⁽¹⁾ gửi cho xứ Thuận Hóa. Trong công văn, viên quan ấy đề: “Năm thứ 18, niên hiệu Càn Long (năm 1753) mười tên quân nhân ở xã An Vĩnh trong đội kiếm vàng thuộc huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Nghĩa, nước An Nam, ngày tháng 7 đi ra Vạn Lí Trường Sa lượm nhặt các hải vật. Tám người trong bọn họ lên bờ biển tìm nhặt các hải vật, còn hai người ở lại giữ thuyền. Vì một trận cuồng phong mạnh làm đứt neo thuyền nên hai người ấy bị trôi dạt vào cảng Thanh Lan (Trung Quốc). Viên quan địa phương tra xét đích thực, nên cho đưa hai người này trở về nguyên quán.

Chúa Nguyễn Phúc Chu truyền lệnh cho chức quan cai bạ ở Thuận Hóa là Thực Lượng hầu viết văn thư phúc đáp viên Đường quan huyện Văn Xương.

(Đông Tùng dịch)

(1) Thuộc đảo Hải Nam, Trung Quốc.

Như đã nói, đây là một sử liệu đầy đủ, chính xác nhất về lịch sử cũng như cơ sở pháp lí về chủ quyền của người Việt Nam trên hai phần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ thế kỉ XVIII.

2) Phan Huy Chú với *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Hoàng Việt địa dư chí*

Lịch triều hiến chương loại chí và *Hoàng Việt địa dư chí* là hai bộ sách bách khoa Việt Nam của Phan Huy Chú⁽¹⁾, tác giả biên soạn từ năm 1821 đến năm 1833. Sau đó nó được khắc in ở Huế và Chợ Lớn.

Lịch triều hiến chương loại chí là một tác phẩm bách khoa lớn, gồm 49 quyển chia làm 10 phần (hay 10 chí).

1) *Địa dư chí* (quyển 1 - 5) viết về bờ cõi phong thổ các xứ trong nước.

2) *Nhân vật chí* (quyển 6 - 12) chép tiểu truyện các vị vua, danh nhân, danh tướng, văn sĩ, công thần, liệt nữ...

3) *Quan chức chí* (quyển 13 - 19) danh hiệu, chức tước, phẩm hàm, cách đề cử các quan lại.

4) *Lễ nghi chí* (quyển 20 - 25) chép về các điển lệ thuộc về lễ nghi, sắc phong, tôn miếu... các triều đại.

5) *Khoa mục chí* (quyển 26 - 28) viết về phép tấu và chương trình học tập và các khoa thi (thi Hương, thi Hội, thi Đình) cùng số người đậu đầu các khoa tiến sĩ.

6) *Quốc dụng chí* (quyển 29 - 32) viết về phép khai khẩn ruộng nương, các ngạch thuế, tiền bạc, kinh phí...

7) *Hình luật chí* (quyển 33 - 38) viết về luật lệ, hình phạt.

8) *Binh chế chí* (quyển 39 - 41) viết về cách tuyển lính, cách tổ chức quân đội cùng cách huấn luyện đào tạo quân lính.

9) *Văn tịch chí* (quyển 42 - 45) viết về các sách vở do người Việt soạn. Phần này chia làm bốn loại:

– *Hiến chương* (phép tấu)

– *Kinh sử* (kinh truyện và lịch sử)

(1) Phan Huy Chú (năm 1782 - 1840): nhà văn, học giả; Nguyên tên là Hạo, sau đổi là Chú, tự là Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, con trai danh sĩ Phan Huy Ích, nguyên quán là Thụ Hoạch, huyện Thiện Lộc, tỉnh Nghệ An; sau đi di cư ra sống ở phủ Quốc Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông xuất thân trong gia đình khoa bảng lâu đời, bản chất lại thông minh, hay chữ, nhưng sau hai lần đi thi chỉ đậu tú tài. Năm 1821, ông được Vua Minh Mạng triệu vào Huế giữ chức Biên tu ở Quốc Tử giám. Năm 1828, ông giữ chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên, rồi thăng Hiệp trấn Quảng Nam, Thị độc viện Hàn Lâm, Phó sứ Trung Quốc và Nam Dương (Indonesia)... Cuối năm 1832, ông từ quan về làng dạy học và viết sách.

Ngoài việc là một quan lại, một nhà giáo, Phan Huy Chú còn là một nhà bác học có tầm lực của nước ta vào thế kỷ XIX. Bên cạnh tác phẩm này, ông còn các quyển: *Hoàng Việt Địa dư chí* (hai quyển), *Hoa triều ngâm lục*, *Hoa trình tục ngâm*, *Hải trình chí lược*...

- *Thi văn* (thơ và văn xuôi)
- *Truyện kí* (văn kí sự).

Mỗi loại đều có liệt kê tên sách và tiểu truyện tác giả, đôi khi có trích dẫn thơ văn và lời nhận xét của tác giả...

10) *Bang giao chí* (quyển 46 - 49) viết về điều lệ các quan lại đến việc ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Với 49 quyển của toàn bộ tác phẩm, tác giả đã có một phương pháp làm việc tương đối chính xác và được cân nhắc kĩ lưỡng mỗi tài liệu sử dụng để hoàn thành sách.

Riêng phần *Địa dư chí*, tác giả đã chép đủ các địa danh đầu các địa danh ấy đương thời vẫn còn duy trì hay đã thay đổi.

Cảnh trí, sông núi đều chép rành rẽ, từ rừng núi, đồng bằng, duyên hải đến hải đảo xa xôi đều được viết kĩ lưỡng. Phần này từ quyển 1 đến quyển 5.

- *Quyển 1*: chép về việc phân biệt bờ cõi của nước ta qua các triều đại từ Hùng Vương đến triều Nguyễn.

- *Quyển 2*: chép về việc phân biệt phong thổ của các đạo Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam.

- *Quyển 3*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, An Quảng.

- *Quyển 4*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo; Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn.

- *Quyển 5*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo: Thuận Hóa, Quảng Nam, Diên Khánh, Định Viễn, Phú Yên, Gia Định, Bình Khang, Bình Thuận và Hà Tiên⁽¹⁾.

Trong quyển 5 này, phần nghiên cứu về Đạo Quảng Nam có viết về phủ Tư Nghĩa, phần lớn đều nói về Hoàng Sa, Trường Sa vì đây là miền đất quan trọng nhất, án ngự phía Đông của phủ Tư Nghĩa hồi bấy giờ.

Đây là sử liệu thứ nhì sau *Phủ biên tạp lục* viết về Hoàng Sa, Trường Sa đầy đủ và chính xác, tuy nó chỉ là công trình của một cá nhân.

Sách này là một bản chép tay của Trường Viễn Đông Bác cổ (Hà Nội) có kí hiệu A.50, và sau này tàng trữ tại Thư khố Quốc gia, có kí hiệu 3064.MC (chi nhánh Đà Lạt), hiện nay lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 144-150.

(1) Tham khảo bản dịch của Viện Sử học, 1960, Hà Nội hoặc bản dịch của Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dục, 1971, Sài Gòn, bản sau có in kèm chữ Hán rất rõ.

Sau đây là đoạn viết về Hoàng Sa, Trường Sa:

歷朝憲章類誌卷之五

潘輝注著

輿地誌

思義府三縣

義江縣〔九十三社〕平陽縣〔七十社〕慕華縣〔五十三〕社思義縣府在廣南之中上游連山橫乖下臨大海其中地勢寬曠太王專制時改爲廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數金銀材木珠貝沉速皆極美好象馬之畜六爲至多又有海外島嶼景物麗奇珍異物多在於此處云

〔平陽縣安永社村居海近海外之東

北有島焉群山零星一百三十餘嶺山間出海約滿一日或數更山上間有甘泉島之中有黃沙渚約長三十里平坦廣大水清徹底島旁燕巢無數衆鳥以千萬計見人環集不避渚邊異物甚多其文螺有名沃腮爲大如席腹有粒如指大色濁不及蚌珠其殼可削成碑又有可作灰泥塗有名沃碑磔可飭器用有名沃香渚蚌肉皆可醃渚玳瑁甚大有名海巴甲薄可飭器皿卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳渚旁採取以石灰擦過去腸洒乾食時田蟹水浸之同蝦豬肉亦好泊商舶多遭風依於此島

前王歷朝置黃沙隊七十率以安永人充之輪番採取歲以三月受示行差齋六月糧駕小船五隻出洋三日三夜始至此島居恣情採取捕魚爲食所得贖物器寶

Phiên âm:

Lịch triều hiến chương loại chí, quyển chi ngũ Du địa chí Phan Huy Chú trứ.

Tư Nghĩa phủ tam huyện: Nghĩa Giang huyện (cửu thập tam xã), Bình Dương huyện (thập thất xã), Mộ Hoa huyện (ngũ thập tam xã).

Tư Nghĩa phủ tại Quảng Nam chi trung, thượng du liên sơn hoành quai, hạ lâm đại hải, kì trung địa thế khoáng khoáng. Thái vương chuyên chế thời, cải vi Quảng Nghĩa tam huyện, vật lực phong diễn, cốc túc bất tri kì số, kim ngân tài mộc, châu bối trầm tốc giai cực mĩ hảo, tượng mã chi súc, lục vi chí đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dự, cảnh vật tú lệ, kì trân dị vật tại ư thử xứ vân.

Bình Dương huyện, An Vĩnh xã, thôn cư hải cận. Hải ngoại chi đông bắc hữu đảo yên, quần sơn linh tinh nhất bách tam thập dư đỉnh. Sơn gian xuất hải, ước mẫn nhất nhật hoặc sở canh. Sơn thượng gian hữu cam tuyền, đảo chi trung hữu *Hoàng Sa chử*, ước trường tam thập lí, bình thần quảng đại, thủy thanh triệt đẽ. Đảo bàng yến sào vô số, chúng điều dĩ thiên vạn kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chử biên dị vật thậm đa. Kì văn loa hữu danh “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lạp như chi đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bi, hựu hữu khả tác hôi nê đồ hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí vật hựu danh “ốc hương”, chử bạng nhục giai khả yêm chử. Đại mọi thậm đại, hữu danh hải ba, giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn tự cự chỉ, hữu danh hải sâm, tục viết “đột đột” du vịnh chử bàng. Thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khứ trường sai cận. Thục thời điền giải thủy tẩm chi, đồng hà trư nhục diệc hảo. Bạc thương thuyền đa tao phong y ư thử đảo.

Tiền vương lịch triều trí *Hoàng Sa đội* thất thập suất, dĩ An Vĩnh nhân luân phiên thái thủ. Tuế dĩ tam nguyệt thụ thị hành sai, tề lục nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật tam dạ thử chí đảo cư tứ tình thái thủ bổ ngư vi thực, sở đắc tào vật khí bửu thậm chúng dữ thái thủ hải (vật) phủ đa, dĩ bát nguyệt hồi nhập Yêu môn tự Phú Xuân thành (tờ 11a, 12a).

Dịch nghĩa:

Phủ Tư Nghĩa có ba huyện, huyện Nghĩa Giang có 93 xã, huyện Bình Dương có 70 xã, huyện Mộ Hoa có 53 xã.

Phủ Tư Nghĩa ở giữa đạo Quảng Nam, miền thượng du có núi liên tiếp giăng ngang, phía dưới đến tận biển cả, ở giữa địa thế rộng rãi, từ thời Thái vương⁽¹⁾ chuyên chế đổi làm phủ Tư Nghĩa, phủ này gồm ba huyện. Nơi đây vật lực dồi dào, lúa gạo nhiều không kể xiết, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm hương, tốc hương vô số. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ở ngoài biển, cảnh vật tươi tốt, của quý vật lạ phần lớn ở tại nơi này.

Thôn An Vĩnh thuộc huyện Bình Dương⁽²⁾ ở ngoài biển, gần phía Đông

(1) *Thái vương*: tức Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (năm 1558-1613).

(2) *Bình Dương*: đời nhà Hồ gọi là huyện Trị Bình, đời nhà Lê đổi là Bình Dương, triều Nguyễn đổi là Bình Sơn (nay là huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

Bắc, ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển, ước đây một ngày đường, hoặc một vài trống canh. Trên núi có suối nước ngọt, giữa hòn đảo có bãi Hoàng Sa, dài độ 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Trên đảo có vô số yến sào (tổ chim yến), bầy chim kể hàng ngàn, hàng vạn, thấy người tới đậu chung quanh không hề tránh đi. Bên bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc hoa (rắn) có thứ gọi là “ốc tai voi”, lớn bằng tám chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể đeo thành bìa, lại có thể hầm với để tô trét nhà cửa. Có thứ gọi là “ốc xa cừ”, có thể trang sức đồ vật, lại gọi là ốc hương. Có thứ “đồi mồi” rất lớn, gọi là hải ba, vỏ mỏng, có thể trang sức đồ dùng, trướng như ngón tay cái. Có thứ gọi là hải sâm, tục gọi là con “đột đột”, bò chơi trên bãi cát, người ta bắt lấy, dùng với chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô, khi ăn lấy nước cua ngâm, nấu chung với tôm, thịt heo ăn rất ngon.

Nhiều thuyền buôn đi ngang gặp gió đều nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, các Chúa Nguyễn có đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người lấy người thôn An Vĩnh thay phiên, bổ sung vào. Hàng năm cứ đến tháng ba nhận lệnh đi làm việc, đem theo đồ ăn sáu tháng, dùng năm chiếc thuyền nhỏ, đi ba ngày đêm mới đến đảo này. Đến nơi đó, họ tự bắt cá mà ăn, tìm lấy được rất nhiều đồ vật quý báu của các thuyền bị đắm, họ cùng nhặt lượm khá nhiều hải vật. Họ ở đó qua tháng 8 mới trở về cửa Eo (Yêu môn), rồi tới thành Phú Xuân. (Văn Vĩ dịch, *Tập san Sử Địa*, có tham khảo bản dịch của Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực, sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, 1971, Sài Gòn).

– *Hoàng Việt địa dư chí (năm 1833)*

Phần *Địa dư chí* trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, sau được khắc in thành một bộ sách riêng có nhan đề là *Hoàng Việt địa dư chí*.

Đây là một bộ sách quen thuộc được giới nghiên cứu chú ý nhiều. Bản khắc in năm Nhâm Thân (năm 1872) tại Đề Ngạn (Chợ Lớn) có lời giới thiệu của Duy Minh Thị⁽¹⁾. Trước năm 1975, sách tàng trữ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn, có kí hiệu VĐ.7, đã được Hoàng Văn Hòe, dịch sang tiếng Việt. Sách hiện nay lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 192-193.

Nội dung đoạn văn của sách này không có gì khác với *Lịch triều hiến chương loại chí*, nhưng chúng tôi cũng phiên âm, dịch nghĩa trích theo để thuyết minh cho vấn đề:

(1) Duy Minh Thị: Nhà văn, nguyên quán huyện Duy Minh (nên lấy hiệu là Duy Minh Thị) tỉnh Bến Tre, thuở nhỏ lên Sài Gòn đi học ngụ tại Xóm Dầu (An Bình) Chợ Lớn nên khi viết văn lấy bút danh là Phụng Du Lí (người xóm Dầu Phụng). Ông là tác giả một số sách Văn, Sử, Địa, như *Lục Vân Tiên* (đính chính bản chữ Nôm), *Đại Nam thực lục* (sách rút gọn bộ Thực lục), *Nam Kỳ dư địa chí*...

歲在壬申年新鑄一在堤岸和源盛發客

思義府三縣今爲廣義鎮（三屬九總二百十六社下三縣皆屬焉）

彰義縣（舊義江三總九十三社）平山縣（舊平陽三總七十社慕華縣三總五十三社）慕華縣（三總五十三社）

府在廣南之中上渠連山橫乖下臨大海其地勢寬曠太王專制時改爲廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數金銀財物珠貝沈速皆極美好象馬之畜亦爲至多九又有海外島嶼景物幽麗

平山縣安永社村居近海海外東北有島嶼焉群山重疊一百三十餘嶺山間出海約隔一日或數更山下間有甘泉島之中有黃沙渚長約三十里平坦廣大水清徹底島傍有燕無數衆鳥以千萬計見人旋集不避渚邊異物甚多其文螺有名惡（作沃）聽爲大如席腹有粒如指大色濁不及蚌珠其殼可削成碑又有可作灰泥塗有名沃碑礪可飭器甚爲好麗又名沃香諸蚌肉皆可醃煮玳瑁甚大有名海巴甲薄可飭諸器皿卵如巨指頭又名海參俗曰突突游泳渚旁採取以石灰擦過去陽曬乾食時田蟹水浸之同蝦豬肉亦好諸商舶多遘依於此島

前王歷朝置黃沙隊七十率以安永人充之輪番採取歲以三月受示行差齋六月糧駕小船五隻出洋三日三夜始至島居肆情採取捕魚爲食得贖物器寶甚多與採取海物頗衆以八月回八腰門遞就富憲城。

Âm:

Tuế tại Nhâm thân niên tân thuyên

Nhất tại Đề Ngạn Hòa nguyên thịnh phát khách.

Tư Nghĩa phủ tam huyện, kim vi Quảng Nghĩa trấn, (tam thuộc cửu tổng nhị bách thập lục xã, hạ tam huyện giai thuộc yên): Chương Nghĩa huyện (cựu Nghĩa Giang tam tổng cửu thập tam xã), Bình Sơn huyện (cựu Bình Dương tam tổng thất thập xã). Mộ Hoa huyện (tam tổng ngũ thập tam xã).

Phủ tại Quảng Nam chi trung, thượng du liên sơn hoành tháp, hạ lâm đại hải, kì địa thế khoáng khoáng. Thái vương chuyên chế thời cải vi Quảng Nghĩa tam huyện, vật lực phong viễn, cốc túc bất tri kì số, kim ngân tài vật, châu cụ trăm tốc giai cực mĩ hảo, tượng mã chi súc, diệp chí đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dự cảnh vật u lệ.

Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã thôn cư cận hải, hải ngoại đông bắc hữu đảo dự yên, quần sơn trùng điệp, nhất bách tam thập dư lãn. Sơn gian xuất hải ước cách nhất nhật hoặc sổ canh. Sơn hạ gian hữu cam tuyền. Đảo chi trung hữu Hoàng Sa chủ, trường ước tam thập lí, bình thảo quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng hữu yến vô số, chúng điểu dĩ thiên vạn kế, kiến nhân truyền tập bất tị. Chủ biên dị vật thậm đa. Kì văn loa hữu danh (tác ốc) “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lạp như chỉ đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bi, hựu hữu khả tác khôi nê đồ, hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí vật, thậm vi hảo lệ; Hựu danh “ốc hương”, chư bạng nhục giai khả yêm chủ. Đại mọi thậm đại, hữu danh “hải ba” giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn như cự chỉ đầu. Hựu danh “hải sâm” tục viết “đột đột”, du vịnh chủ bàng, thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khứ trường sái càn, thực thời điền giải thủy tẩm chi, đồng hà trư nhục diệp hảo. Chư thương bạc đa cấu y ư thử đảo.

Tiền vương lịch triều trí Hoàng Sa đội thất thập suất dĩ An Vĩnh nhân sung chi luân phiên thái thủ, tuế dĩ tam nguyệt thụ thị hành sai, tề lục nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật tam dạ thử chí đảo cư tứ tình thái thủ, bổ ngư vi thực, đắc tào vật khí bửu thậm đa, dữ thái thủ hải vật phẩm chúng, dĩ bát nguyệt hồi nhập Yêu môn đệ tự Phú Xuân thành (tờ 10a - 11b).

Dịch nghĩa :

Phủ Tư Nghĩa nay là trấn Quảng Nghĩa có 3 huyện (gồm 9 tổng, 216 xã); huyện Chương Nghĩa (vốn là huyện Nghĩa Giang cũ, gồm 3 tổng, 93 xã), huyện Bình Sơn (vốn huyện Bình Dương cũ, gồm 3 tổng, 70 xã), huyện Mộ Hoa gồm 3 tổng, 53 xã.

Phủ Tư Nghĩa ở giữa đạo Quảng Nam, ở thượng du núi liên tiếp giăng ngang, phía dưới biển lớn, ở giữa địa thế rộng rãi. Vào thời Thái vương chuyên chế đổi làm phủ Tư Nghĩa. Phủ này gồm có ba huyện. Ở đây vật lực phong phú, lúa gạo nhiều không kể xiết, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm hương, tốc hương đều rất tốt, voi ngựa chăn nuôi rất nhiều. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ngoài biển, cảnh vật xinh tốt, báu kì, vật lạ phân nhiều ở nơi này cả. Thôn An Vĩnh thuộc huyện Bình Dương ở gần biển, về phía đông bắc ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh, hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển ước đầy một ngày

đường biển hoặc vài trống canh. Khoảng dưới núi có suối nước ngọt, trong hòn đảo có bãi Hoàng Sa dài độ 30 dặm, bằng phẳng, rộng lớn, nước trong suốt đáy. Ở ven đảo có vô số yến sào (tổ chim yến). Bầy chim kể hàng ngàn hàng vạn con, thấy người thì bay tới đậu chung quanh không hề trốn tránh. Ở ven bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc hoa có thứ gọi là “ốc tai voi”, lớn bằng chiếc chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể gột thành bia, lại có thể hầm vôi để tô trét nhà cửa. Có thứ ốc gọi là “ốc xa cừ”, có thể trang sức đồ vật, lại có loài tên là ốc hương. Thịt các loài trai đều có thể ướp muối hay nấu chín để ăn. Có thứ “đồi mồi” rất lớn gọi là hải ba, vỏ mỏng, có thể dùng trang sức các đồ vật như chén bát. Trứng lớn như đầu ngón tay cái. Có thể gọi là hải sâm, tục kêu là con “đột đột”, bơi lặn ở ven bãi cát, người ta bắt lấy, dùng muối chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô. Đến lúc ăn, lấy nước cua đồng rưới vào, trộn chung với tôm và thịt heo, ăn rất ngon... Nhiều thuyền buôn gặp gió thường nương đậu ở đảo này.

Các Chúa Nguyễn đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, đều lấy người thôn An Vĩnh luân phiên bổ sung vào, bơi ra mặt biển thu lượm các hải vật. Hàng năm, cứ đến tháng 3 nhận lệnh đi làm việc, đem theo lương thực trong sáu tháng, đi năm chiếc thuyền nhỏ, ra khơi ba ngày, ba đêm mới đến đảo này. Ở đó, mặc tình tìm lấy cá mà ăn, lấy được nhiều đồ vật quý báu của thuyền đắm, cùng lượm lấy khá nhiều hải vật. Qua tháng 8 mới trở về, vào cửa Eo, tới thành Phú Xuân (Lê Xuân Giảo dịch, có tham khảo bản dịch Hoàng Việt Địa dư chí của Hoàng Văn Hoè, 1972, Sài Gòn).

Với sử liệu vừa dẫn càng làm mọi người thấy rõ chủ quyền trên nhóm hải đảo này thuộc Việt Nam từ lâu.

Lãnh thổ này đã được các triều đại phong kiến Việt Nam hành sử theo luật pháp nhà nước, mà không có sự dị nghị hoặc tranh chấp nào của các nhà nước khác.

3) Quốc Sử quán với các sách Sử Địa

Quốc Sử quán triều Nguyễn là một cơ quan chuyên trách về việc biên soạn các sách lịch sử, địa lí... của Việt Nam. Đây là một cơ quan pháp lí công quyền có tính cách nhà nước. Thế cho nên những sách vở do Quốc Sử quán soạn và được khắc in đều có tính cách pháp lí, không những trong nước mà còn có giá trị tuyệt đối với nước ngoài.

Vào đời nhà Nguyễn, việc biên soạn lịch sử thật sự có qui mô bắt đầu từ đời Minh Mạng. Công việc được triều đình giao cho một cơ quan chuyên môn phụ trách, đứng đầu bởi những đại thần xuất thân đại khoa. Các vị này đã kinh qua một quá trình học tập, tu dưỡng và làm việc lâu dài tại các cơ quan công quyền trọng đại. Phần lớn trước đó đều là những giáo sư tại Trường Quốc Tử giám (tương đương như

các giáo sư Đại học thực thụ tại các Đại học Quốc gia ngày nay) hoặc các quan lớn có thực học và tư cách.

Quốc Sử quán triều Nguyễn từ khi hình thành đến đời Đồng Khánh (năm 1885-1889) đã soạn xong và khắc in một số tác phẩm về Sử, Địa. Số tác phẩm quan trọng này có liên hệ mật thiết đến lịch sử Việt Nam, Trung Quốc từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.

Sau đây là một số sách đề cập đến Hoàng Sa, Trường Sa được các nhà viết sử Việt Nam biên soạn:

- 1) *Đại Nam thực lục tiền biên*;
- 2) *Đại Nam thực lục chính biên*;
- 3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*;
- 4) *Quốc triều chính biên toát yếu*;
- 5) *Đại Nam nhất thống chí ...*

Bên cạnh những tác phẩm của tập thể do nhà nước trực tiếp trông nom, biên soạn. Ngoài ra, các tư nhân vẫn âm thầm nghiên cứu về lịch sử, địa lí nước nhà như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Nguyễn Thông, Cao Xuân Dục, Phan Thúc Trục...

Chúng tôi lần lượt giới thiệu các tác phẩm có đề cập về Hoàng Sa, Trường Sa trong lịch sử và địa lí Việt Nam.

1. *Đại Nam thực lục tiền biên và Đại Nam thực lục chính biên*

Đại Nam thực lục tiền biên và *Đại Nam thực lục chính biên* trước đây tàng trữ tại Viện Văn hóa Trung Việt (Huế), sau dời vào Viện Khảo cổ Sài Gòn. Hiện nay, lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, với kí hiệu HNv 55.

Đại Nam thực lục là một bộ sử chép theo thể biên niên với từng đời vua triều Nguyễn (năm 1802-1945). Mỗi đời vua triều Nguyễn đều có một kỉ:

- *Kỉ thứ I chép việc đời Gia Long (năm 1778–1819)*
- *Kỉ thứ II chép việc đời Minh Mạng (năm 1820–1840)*
- *Kỉ thứ III chép việc đời Thiệu Trị (năm 1841–1847)*
- *Kỉ thứ IV chép việc đời Tự Đức (năm 1848–1883)*
- *Kỉ thứ V chép việc đời Kiến Phúc (năm 1884)*
- *Kỉ thứ VI chép việc đời Đồng Khánh (năm 1885–1889)*

Và các đời vua sau chưa viết xong.

Công việc về các đời vua và công quyền trên do các sứ quán thuộc Quốc sử quán nhà Nguyễn bắt đầu viết từ năm 1821 (đời Minh Mạng thứ hai).

Đại Nam thực lục gồm có hai phần:

– Phần đầu gọi là *Đại Nam thực lục tiền biên* viết về các đời Chúa Nguyễn (năm 1558-1778); Giai đoạn này viết xong, được khắc in vào năm 1884 (đời Thiệu Trị thứ tư).

– Phần sau gọi là *Đại Nam thực lục chính biên* viết về các việc từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua (Gia Long) đến đời Đồng Khánh (năm 1885-1889); Giai đoạn này cũng đã viết xong và khắc in vào năm 1848 (Tự Đức năm đầu).

Phần *Chính biên* này mới viết được đến cuối đời Thiệu Trị (năm 1841-1847), cả hai phần đều đã viết xong và khắc in⁽¹⁾.

Đại Nam thực lục là một chính sử của các vua triều Nguyễn do các Sử thần trong Quốc Sử quán thừa lệnh triều đình viết. Sách vì vậy có tính cách pháp lí nhà nước. Những biến cố về chính trị, quân sự, lịch sử, địa lí... này đã mặc nhiên được triều đình công nhận. Vì vậy, nó là tiếng nói chính thức của nước Việt Nam vào thời phong kiến cận đại.

Trong bộ sử này, các sử gia Việt Nam đã viết khá rõ về tất cả các sự kiện có liên quan về nhiều vấn đề trọng đại, trong đó có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Lịch sử địa lí Hoàng Sa, Trường Sa khởi đi từ thời các chúa Nguyễn đến đời các vua Gia Long, Minh Mạng... trong việc bảo vệ lãnh thổ nước nhà.

Sau đây là những đoạn nói về Hoàng Sa và Trường Sa:

a) *Đại Nam thực lục tiền biên*

Phiên âm :

Đại Nam thực lục tiền biên, quyển chi thập

Thu thất nguyệt, Quảng Nghĩa Hoàng Sa đội thừa thuyền vãng Hoàng Sa đảo, tảo phong bạc nhập thang Quỳnh Châu dương phận, thang tổng đốc hậu cấp tổng hồi. Thượng lệnh vi thư vi chi.

Quảng Nghĩa, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã hải ngoại hữu sa châu nhất bách tam thập dư sở, tương khứ hoặc nhất bách tam thập dư sở, tương khứ hoặc nhất nhật trình hoặc sở canh hứa, diên mậu bất tri kì kỉ thiên lí, tục xưng Vạn Lí Hoàng Sa châu thượng hữu tỉnh, cam tuyền xuất yêu. Sở sản hữu hải sâm, đại mọi, văn loa, ngoạn miết đẳng vật.

Quốc sơ trí Hoàng Sa đột thất thập nhân dĩ An Vĩnh xã dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt thừa thuyền vãng, tam nhật dạ để kì xứ, thái thủ hóa vật, dĩ bát nguyệt

(1) Bộ sách này đã được tổ phiên dịch Viện Sử học dịch (trọn bộ 38 tập). Trong tập 38 có bản *Sự kiện và tư liệu* giúp người đọc tìm hiểu từng sự kiện của bộ sử này, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1978, Hà Nội.

hồi nạp, hựu hữu Bắc hải đội, mộ Bình Cố, Tư Chính thôn hoặc Cảnh Dương xã nhân sung chi. Lệnh giá tiểu thuyền vãng Bắc Hải, Côn Lôn đẳng xứ thái thủ hóa vật, diệc do Hoàng Sa đội tinh quản.

Dịch nghĩa :

Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 10

“...Tháng 7 mùa thu, năm Giáp Tuất (năm 1754)⁽¹⁾ dân đội Hoàng Sa gặp gió to, dạt vào hải phận Quỳnh Châu, thuộc nhà Thanh. Quan tổng đốc nhà Thanh chu cấp cho đầy đủ rồi sai đưa về. Chúa sai viết thư gởi qua cảm ơn.

Ngoài biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa có hơn 130 cồn cát, cách xa hoặc một ngày đường, hoặc vài trống canh, chiều dài kéo dài không biết tới mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lí Hoàng Sa Châu, trên có giếng nước ngọt, sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, giải, ba ba.

Hồi quốc sơ đầu triều Nguyễn – đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người – lấy xã An Vĩnh sung vào. Hàng năm cứ đến tháng 3 chèo thuyền ra đảo, ba ngày đêm thì tới nơi, thu lượm hóa vật, đến tháng 8 trở về nộp.

Lại có đội Bắc Hải mộ dân thôn Tư Chính, Bình Cố, hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh chèo thuyền nhỏ ra các đảo Côn Lôn ở Bắc Hải thu lượm hóa vật cũng do đội Hoàng Sa cai quản luôn...

(Trần Quang Huy dịch)

b) Đại Nam thực lục chính biên

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỉ, quyển chi ngũ thập.

Thế tổ Cao Hoàng đế thực lục.

... Ất Hợi chính nguyệt.

Khiến Hoàng Sa đội Phạm Quang Ảnh đẳng vãng Hoàng Sa thám độ thủy trình.

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ nhất. quyển 50

Thực lục Thế tổ Cao hoàng đế.

... Tháng Giêng năm Ất Hợi (năm 1815).

Sai Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa để xem xét và đo đạc thủy trình.

(1) Việc này xảy ra vào cuối đời Chúa Thế tông Nguyễn Phúc Khoát (năm 1738-1765), trong *Phù biên tạp lục*, Lê Quý Đôn chép năm 1753.

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỉ, quyển chi ngũ thập nhị.

Thế tổ Cao Hoàng đế thực lục.

... Bính Tí Gia Long thập ngũ niên.

Mệnh thủy quân cập Hoàng Sa đội thừa thuyền vãng Hoàng Sa khám đạc thủy trình (Xem phụ trương số 06).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ nhất, quyển 52.

Thực lục Thế tổ Cao Hoàng đế.

... Năm Bính Tí, niên hiệu Gia Long 15 (năm 1816).

Vua ra lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra đảo Hoàng Sa để khám xét và đo đạc đường thủy.

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỉ, quyển chi nhất bách tứ.

Thánh tổ Nhân Hoàng đế thực lục.

Quý Tị Minh Mạng thập tứ niên.

... Để vị công bộ viết: Quảng Nghĩa dương phận nhất dải Hoàng Sa chi xứ, viễn vọng chi tắc thủy thiên nhất sắc bất biện thiển thâm, nhĩ lai thương thuyền bị kì hại, kim nghi dự bị thuyền tao, chí lai niên phái vãng kiến miếu lập bi vu thử, hựu đa thực thụ mộc, tha nhật trượng đại uất mậu tắc nhân dị thức nhận, thứ miễn trước thiển chi ngộ. Thử diệc vạn thế chi lợi dã (tờ 16b - 17a).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 104.

... Vua bảo bộ Công rằng: Dải Hoàng Sa trong địa phận Quảng Nghĩa, xa trông trời nước một màu không phân biệt được cạn hay sâu.

Gần đây thuyền buôn thường ít bị đắm. Nay nếu dự bị thuyền bè, đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn, xanh tốt, người dễ nhận biết. Việc này có thể tránh được nhiều nạn mắc cạn. Đó cũng là việc muôn đời vậy.

大南寔錄正編第二紀卷之一百二十二

聖祖仁皇帝寔錄甲午明命十五年

遣監城隊長張福仕與水軍二十餘人乘船往廣義黃
沙描取圖本及退

帝問以所產物類仕奏言此處海中沙渚廣漠無涯惟
有清人往來攻魚捕鳥而已因以所採禽魚鱉螺蛤上
進多是奇物人所罕見者

帝召侍臣觀之賞在行人等銀錢有差

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách nhị thập nhị.

Thánh tổ Nhân Hoàng đế thực lục.

Giáp Ngọ Minh Mạng thập ngũ niên...

Khiển Giám Thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ dũ thủy quân nhị thập dư nhân, thừa thuyền vãng Quảng Nghĩa Hoàng Sa xứ, miêu tả đồ bản, cập thoái.

Đế vẫn dĩ sở sản vật loại. Sĩ tấu ngôn: thử xứ hải trung sa chữ quảng mạc vô nhai, duy hữu Thanh nhân vãng lai công ngư bổ điều nhi dĩ, nhân dĩ sở thái cầm điều ngư, miết loa cấp thượng tiến, đa thị kì vật, nhân sở hãn kiến giả.

Đế triệu thị thân quan chi, thưởng tại hành nhân đẳng ngân tiền hữu sai (tờ 23a - 23b).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỷ thứ hai, quyển 122.

Năm Giáp Ngọ, Minh Mạng thứ 15 (1834).

Sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền tới đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ xong rồi về.

Khi về, vua hỏi về những loại sản vật ở đấy. Trương Phúc Sĩ tâu: “Đó là cát ở giữa biển, mệnh mông không biết đâu là bờ”. Nhân đó Trương Phúc Sĩ đem dâng lên vua những thứ lượm được ở đảo như: chim, cá, ba ba, ốc, sò, ngao đã bắt được ở nơi đó. Tất cả đều là vật lạ ít khi thấy.

Vua cho vời các thị thân đến xem và khen thưởng những người đi công tác về, và tiền bạc cho những người đã tham gia công việc đó.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

大南寔錄正編第二紀卷之一百六十五

聖祖仁皇帝寔錄

乙未明命十六年

建廣義黃沙神祠黃沙在廣義海分有一處白沙堆樹木林茂堆之中有井西南有古廟牌刻萬里波平四字

〔白沙堆周圍一千七十丈舊名佛寺山東西兩岸皆珊瑚石斜遶水面北接珊瑚石突立一堆周圍三百四十丈高一丈三尺與沙堆齊名磬灘石〕

去年帝將於此處建廟立碑適因風濤弗果至是乃遣水軍該隊范文原率監城兵匠與廣義平定二省夫船運往材料建立廟宇隔古廟七丈廟之左豎石碑前設屏障旬日工竣而還。

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách lục thập ngũ.

Thánh tổ Nhân hoàng đế thực lục.

Ất Mùi Minh Mạng thập lục niên (tờ 1a).

... Kiến Quảng Nghĩa Hoàng Sa thần từ. Hoàng Sa tại Quảng Nghĩa hải phận, hữu nhất xứ bạch sa đôi, thụ mộc sâm mậu, đôi chi trung hữu tỉnh, tây nam hữu cổ miếu bài khắc: “Vạn Lí ba bình” tứ tự.

(Bạch sa đôi chu vi nhất thiên thất thập trượng, cự danh Phật tự sơn, đông tây nam ngạn giai san hô thạch tà nhiều thủy diện, bắc tiếp san hô thạch, đột lập nhất đôi chu vi tam bách tứ thập trượng, cao nhất trượng tam xích dư sa đôi tề danh Bàn Thang thạch).

Khứ niên đế tương ư thử xứ kiến miếu lập bi, thích nhân phong đào phát quả, chí thị nãi khiển thủy quân cai đội Phạm Văn Nguyên suất Giám thành binh tượng dữ Quảng Nghĩa, Bình Định nhị tỉnh phu thuyền vận vãng tài liệu kiến lập miếu vũ (cách cổ miếu thất trượng). Miếu chi tả thụ thạch bi, tiên thiết bình chương, tuần nhật công thoan nhi hoàn (tờ 4a - 4b).

Dịch nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 154.

Thực lục Thánh tổ Nhân hoàng đế.

Năm Ất Mùi, Minh Mạng thứ 16 (1835).

Dựng “thần từ” ở đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa.

Đảo Hoàng Sa ở hải phận tỉnh Quảng Nghĩa, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh tươi, giữa cồn cát có giếng nước, phía Tây Nam có ngôi miếu cổ. Nơi ấy có tấm bảng khắc bốn chữ “Vạn Lí ba bình”.

(Cồn cát trắng chu vi 1.700 trượng, tên cũ là núi Phật Sơn, phía Đông Tây Nam đều có đá san hô làm thành, triền dốc thoải bao quanh mặt nước. Phía Bắc giao với một dải (cồn) toàn đá san hô dựng cao lên, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng, 3 thước giăng ngang với cồn cát gọi là Bàn Thang thạch)⁽¹⁾.

Năm ngoái (năm 1834) vua định dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, vì gặp lúc sóng to gió lớn nên không làm được. Đến nay mới khiến cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Nghĩa.

(1) *Bàn Thang thạch*: nguyên là một bán đảo nhỏ gần cửa Đại Áp, nay thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Đây là vùng biển có thể làm nơi nghỉ mát rất tốt vì cá biển ở đây nổi tiếng là “Cá Bàn Thang”.

Trong dân gian có bài về thủy trình từ Huế vô Sài Gòn. Đoạn đường biển từ Đà Nẵng vào Quảng Ngãi có câu:

(...)

*Cửa Hàn còn ở trong xa
Trước mũi Sơn Trà sau có HÒN NGHÊ
Vũng NỒM, bãi Bắc dựa kê,
MÍ KHÊ làng mới làm nghề lưới dăng.
Ngó về NON NƯỚC thẳng băng,
Có chùa thờ Phật, Phật bằng linh thiêng,
LAO XANH nay đã gần miền,
Hòn LA, hòn LỤI nằm liền hòn TAI
Năm hòn năm đó không sai,
Hòn KHÔ, hòn DÀI láo nháo nên vui.
Ngó về cửa ĐỢI (Đại) thương ôi!
Hòn NỒM nằm dưới mỏ côi một mình.
TAM Ấp, HÀ BỨA có rạn (a) trời sinh
BÀN THANG (b) Cửa LỖ luôn kinh AN HÒA, (b)
CHÂU LAI, CHÂU Ổ bao xa,
Trước mũi VŨNG QUÍT thiệt là THỐNG BINH*

...

(a) *Rạn*: tức những hòn đá ngầm.

(b) *Bàn Thang* (như trên), *An Hòa*: tức cửa Đại Áp: nay thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. *Hà Bứ*: nay thuộc xã Tam Thanh, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, *Châu Lai*: tức cảng Chu Lai ngày nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam, thị trấn *Châu Ổ*: thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Bình định chuyên chở vật liệu đến dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong (tường chắn gió). Làm xong trong 10 ngày rồi về.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

大南寔錄正編第二紀卷之一百六十五

聖祖仁皇帝寔錄

丙申明命十七年

工部奏言本國海疆黃沙處最是險要前者曾派描繪圖本而形勢廣貌僅得一處亦未明晰所應年常派往遍探以熟海程請自本年以後每○正月下旬遴派水軍弁兵及監城乘烏船一艘以二月上旬抵廣義據廣義平定二省雇撥民船四艘向引駛往黃沙的處不拘何島嶼沙洲凡駛到者即照此處長橫高廣周圍及四近海水淺深有無暗沙石磧險易形勢如何詳加相度描取圖本再照起行日由何海口出洋望何方向駛到此處據所歷水程計算約得幾里又於其處望入海岸正對是何省轄何方斜對是何省轄何方向約略隔岸幾里一一貼說明白遞回呈進

帝允其奏遣水軍率隊范有日率兵船往準帶隨木牌十到處豎立爲誌(牌長五尺闊五寸厚一寸面刻明命十七年丙申水軍正隊長率隊范有日奉命往黃沙相度至此留誌等字)

Sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ* quyển chi nhất bách lục thập ngũ, viết:

Âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách lục thập ngũ.

Thánh tổ Nhân hoàng đế thực lục.

Bính thân Minh Mạng thập thất niên

... Công bộ tấu ngôn: Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tối thị hiểm yếu, tiền

giả tăng phái miêu hội đồ bản nhi hình thế quảng mạo, cận đắc nhất xứ diệc vị minh tích; sở ưng niên thường phái vãng biến thám, dĩ thực hải trình. Thỉnh tự bản niên dĩ hậu, mỗi giới chính nguyệt hạ tuần lãn phái thủy quân biên binh cập giám thành thừa ô thuyền nhất tao, dĩ nhị nguyệt thượng tuần để Quảng Nghĩa, cứ Quảng Nghĩa, Bình Định nhị tỉnh cố bát dân thuyền tứ tao hướng dẫn sử vãng Hoàng Sa đích xứ; bất câu hà đảo dữ sa châu, phàm sử đảo giả tức chiếu thử xử trường hoành cao quảng chu vi cập tứ cận hải thủy thiển thâm, hữu vô ám sa thạch thích hiểm dị, hình thế như hà, tường gia tướng độ, miêu thủ đồ bản, tái chiếm khởi hành nhật do hà hải khẩu xuất dương, vọng hà phương hướng sử đảo, thử xứ cứ sở lịch thủy trình kế toán ước đắc kỉ lí, hựu ư kì xứ vọng nhập hải ngạn chính đối thị hà tỉnh hạt, hà phương, tà đối thị hà tỉnh hạt, hà phương hướng, ước lược cách ngạn kỉ lí, nhất thiết thuyết minh bạch đệ hồi trình tiến.

Để doãn kì tấu, khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật suất binh thuyền vãng, chuẩn đãi tùy mộc bài thập, đảo xứ thụ lập vi chí.

(Bài trường ngũ xích, khoát ngũ thốn, hậu nhất thốn, diện khắc “Minh Mạng thập thất niên Bính thân thủy quân chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tướng độ chi thử lưu chi đẳng tự”) (tờ 24b - 25a).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 165.

Thực lục Thánh tổ Nhân hoàng đế,

Năm Bính Thân, niên hiệu Minh Mạng thứ 17 (năm 1836).

Bộ Công tâu: “Đảo (xứ) Hoàng Sa thuộc vùng biển nước ta, đây là nơi rất hiểm yếu, trước đã từng sai vẽ bản đồ, nhưng vì hình thế xa rộng, nên chỉ mới vẽ được một chỗ, và lại cũng chưa biết nên làm thế nào cho rõ.

Hằng năm thường phái người đi quan sát khắp cả để biết tường tận đường biển. Kể từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng, chọn phái thủy quân đội mũ (binh biên) cùng Giám thành đáp một chiếc thuyền nhằm thượng tuần tháng Hai đến Quảng Nghĩa, giao cho hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định, thuê bốn chiếc thuyền của dân, khiến họ dẫn đường ra đảo Hoàng Sa. Không kể là đảo nào, bãi cát nào, phàm khi thuyền đến nơi, tức thì căn cứ ngay chỗ ấy có chiều dài, chiều ngang, chiều cao, bề rộng, chu vi và biển bốn phía chung quanh cạn hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không. Hình thế hiểm trở, dễ dàng thế nào, phải quan sát đo đạc cho rõ ràng rồi vẽ thành bản đồ. Lại nữa, phải căn cứ ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến nơi ấy, căn cứ vào con nước (thủy trình) đã qua, tính rõ được bao nhiêu dặm. Lại cũng từ nơi ấy trông vào bờ biển, thẳng đường là vào tỉnh nào, phương hướng nào, ước lượng cách bờ biển khoảng bao nhiêu dặm. Tất cả đều nhất thiết phải miêu tả cho rõ, lần lượt đem về dâng trình.

Vua y lời tâu. Sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi.

Chuẩn bị mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi dựng bài lên làm dấu ghi rõ (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 3 tấc, dày 1 tấc), mặt bài khắc những chữ: “Năm Minh Mạng thứ 17, Bình Thân (năm 1836). Thủy quân đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc, đến đây lưu dấu để ghi nhớ”.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

2. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ là một bộ sách do các đại thần nhà Nguyễn theo lệnh Vua ghi chép những công tác của triều đình thuộc Lục bộ; về pháp luật, điển chương, chính trị, văn hóa và các công tác của mình ghi chép lại cẩn thận rồi tập trung cho một vị đại thần khác được triều đình chỉ định viết thành sách.

Nội dung bộ Khâm định này gần giống như loại sách tổng kết thành tích công tác của nhà nước hiện nay. Những điển sự, công tác này được trình bày dưới hình thức các Đạo, Dụ, Chiếu, Sắc... do Vua ban bố và các bản tấu chuẩn, nghị chuẩn do các đại thần, hay Hội đồng Đại thần dâng lên để vua xem xét, chuẩn y rồi cho ban hành thực thi. Tùy theo từng bộ phận của nội các sẽ có những điển sự riêng như điển Lại bộ, điển Binh bộ...

Đại Nam hội điển sự lệ được viết từ năm Thiệu Trị thứ 3 (năm 1843) đến năm Tự Đức thứ 4 (năm 1851) thì hoàn tất. Sách gồm 97 quyển, chép từ Gia Long năm thứ nhất (năm 1802) đến năm Tự Đức thứ tư (năm 1851). Sau đó được tiếp tục viết với tên Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên (năm 1852 - 1889) và (năm 1889 - 1945). Sách hiện nay được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 121.

Trong bộ sách này vào triều Minh Mạng có một đoạn văn nhắc tới Quần đảo Hoàng Sa như sau:

欽定大南會典事例卷二百七

工部

十六年奏準廣義建黃沙廟一間〔石字體製〕于白沙堆之西南左立石碑〔高一尺五寸面一尺二寸〕前砌屏左右後播植各頁木

Âm:

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển nhị bách thất Công bộ.

Thập lục niên, tấu chuẩn Quảng Nghĩa kiến Hoàng Sa miếu nhất gian (thạch vũ

thể chế) vu Bạch sa đôi chi tây nam, tả lập thạch bi (cao nhất xích ngũ thốn, diện nhất xích nhị thốn) tiền thế bình, tả hữu hậu bá thực các hiệt mộc (từ 25b - 26a).

Dịch:

Năm Minh Mạng thứ 16 (năm 1835), tâu xin cho xây cất một gian miếu tại Hoàng Sa (theo kiểu nhà đá) nằm ở phía tây nam cồn Bạch Sa, bên trái dựng bia đá (cao 1m5, rộng 1m2). Mặt trước xếp đá che, hai bên mặt, trái, phía sau miếu có trồng các loại cây.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

3. Quốc triều chính biên toát yếu

Quốc triều chính biên toát yếu là một bộ sử, lược trích các phần quan trọng của bộ *Quốc triều chính biên* hay *Đại Nam thực lục chính biên* của Quốc sử quán triều Nguyễn. Tương tự như các bộ sử khác, bộ này cũng viết theo thể biên niên từ đời Gia Long trở về sau.

Bộ sử này được Bộ Học (Bộ Giáo dục) thực hiện, do lệnh của Vua Khải Định (Khải Định năm thứ 9 - 1924), sách được dịch ra chữ Quốc ngữ, in và phát hành cho các trường học ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nhan đề Quốc ngữ của sách là *Sử Quốc triều chính biên toát yếu*. Sách gồm sáu quyển:

- *Quyển I*: Nguyễn vương thống nhất sơn hà (1726 - 1802).
- *Quyển II*: Thế tổ Cao hoàng đế (1802 - 1820) tức đời Gia Long.
- *Quyển III*: Thánh tổ Nhân hoàng đế (1820 - 1844) tức đời vua Minh Mạng.
- *Quyển IV*: Hiến tổ Chương hoàng đế (1841 - 1847) đời vua Thiệu Trị.
- *Quyển V*: Dục tông Anh hoàng đế (1848 - 1884) tức đời vua Tự Đức.
- *Quyển VI*: Phế đế Hiệp Hòa (1884) tức đời vua Hiệp Hòa.

Giản tông Nghi hoàng đế (1884 - 1885) đời vua Kiến Phúc.

Cảnh tông Thuần hoàng đế (1884 - 1888) đời vua Đồng Khánh.

Sách này hiện được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu: HNV 170.

Trong quyển III, đời vua Minh Mạng, sách có đoạn viết về Hoàng Sa như sau:

Phiên âm:

Quốc triều chính biên toát yếu.

Kiến Quảng Nghĩa Hoàng Sa thần từ. Sa tại hải ngoại hữu nhưt xứ thu mộc sâm mậu. Đôi chi trung hữu tỉnh. Tây nam hữu cổ miếu bi khắc “Vạn Lí Ba Bình”

tứ tự (Bạch sa đôi tiền danh Phật Tự Sơn). Đông tây nam ngạn giai san hô. Thạch đột lập nhứt đôi chu vi tam bách tứ thập trượng, cao nhứt trượng tam xích, dữ sa đôi tề danh Bàn Thang thạch.

Mệnh ư thử xứ kiến miếu lập bi tiền thiết (tờ 97b - 98a).

Nghĩa:

Dựng Hoàng Sa thần từ Quảng Nghĩa.

Hải phận Hoàng Sa thuộc Quảng Nghĩa có một chỗ có cồn cát trắng, nơi ấy cây cối xum xuê tươi tốt. Ở trong cồn cát có một cái giếng. Phía Tây Nam có một ngôi miếu cổ, bia đá khắc bốn chữ “Vạn Lí Ba Bình” (nghĩa là muôn dặm sóng yên). Cồn cát trắng kia có tên là Phật Tự Sơn. Các bờ Đông Tây và Nam đều có san hô. Nơi đây có một đồi đá nổi lên chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với đồi cát gọi là Bàn Thang thạch. Nay ra lệnh xây miếu và dựng bia ở chốn này. Trước miếu có xây bình phong.

(Lê Xuân Giáo dịch)

Âm:

– Quốc triều chính biên toát yếu, quyển III, tờ 104a.

Khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật suất binh thuyền vãng Quảng Nghĩa, sử vãng Hoàng Sa đích xứ bất câu hà đảo dự, hà sa châu phàm trường, hoành, cao, quảng, chu vi cập tứ cận hữu vô ám sa, thạch thích, hiểm dị hình thế như hà, hải khẩu sử lịch thủy trình toán ước kỉ lí, hải ngạn thị hà xứ địa phương nhất nhất minh bạch, chuẩn đái tùy mộc bài đảo xứ thu lập vi chỉ miếu hội đồ bản đệ hồi trình (xem phụ trương số 12).

Nghĩa :

Tháng Giêng năm Bính Thân thứ 17 (năm 1836)

... Khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đến Quảng Nghĩa, thẳng tới đảo Hoàng Sa, không nệ cù lao nào, cồn cát nào, phàm chiều dài, chiều ngang, chiều rộng, chiều cao, chu vi và bốn phía gần đó có cát ngầm, đá mọc hay không, hình thế hiểm trở thế nào, từ cửa biển ra đo đường thủy ước bao nhiêu dặm; bờ biển thuộc địa phương nào, nhất nhất ghi chép cho rõ ràng. Lại chuẩn bị mang theo thẻ gỗ đến nơi dựng lên làm dấu, vẽ bản đồ đem về dâng lên cho ngài xem.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

– Quốc triều chính biên toát yếu, quyển III, tờ 110a.

Âm :

Thập nhị nguyệt, Anh Cát Lợi thương thuyền quá Hoàng Sa trước tiễu, đầu

vu Bình Định hải nạn cứu thập dư nhân. Mệnh trạch địa an trú ưu cấp tiểu mễ. Thuyền trưởng, đầu mục cảm kích kiến u ngôn mạo. Sắc như Tây phái viên Nguyễn Tri Phương đãi vãng Hạ Châu phụ đầu tống hoàn quốc.

Nghĩa :

Năm Bính Thân thứ 17 (năm 1836)

Tháng 12, tàu buôn nước Anh Cát Lợi qua bãi Hoàng Sa bị mắc cạn, ghé vào bờ biển Bình Định hơn 90 người. (Vua) sai tìm nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo. Thuyền trưởng, đầu mục tỏ ra rất cảm kích. (Vua) sắc cho phái viên đi Tây là Nguyễn Tri Phương đem mấy người ấy xuống bến ở Hạ Châu đưa về nước.

(Theo *Tập san Sử Địa*, số đã dẫn)

4. Đại Nam nhất thống chí

Tiếp theo phần sử, chúng tôi giới thiệu một tác phẩm về địa phương chí cũng do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn. Đó là bộ *Đại Nam nhất thống chí*.

Đại Nam nhất thống chí được vua Tự Đức ra lệnh soạn vào năm 1865 (Tự Đức thứ 18) sách hoàn thành vào năm 1882, nhưng hồi Tự Đức còn sống chưa khắc in. Đến đời Thành Thái (năm 1889 - 1906) các sử thần ở Quốc Sử quán tiếp tục viết và chỉnh lí, vẫn lấy tên như cũ. Công việc kéo dài trong nhiều năm đến năm 1910 (Duy Tân năm thứ 3) mới hoàn tất được các tỉnh Trung Kỳ từ Thanh Hóa đến Bình Thuận (gồm 17 tỉnh).

Người trực tiếp chỉ đạo biên soạn là Tổng tài Quốc Sử quán Cao Xuân Dục⁽¹⁾ và Lưu Đức Xứng, Trần Xáng làm Toản tu. Vì sách soạn xong vào đời Duy Tân, nên đương thời sách được các nhà nghiên cứu người Pháp gọi là *Géographie de Duy Tân*.

Nội dung bộ sách này viết về địa lí, phong tục, nhân vật sản vật... từng tỉnh của cả nước từ năm 1906 trở về trước. Còn việc từ năm Thành Thái thứ 10 (năm 1907) về sau chưa được công bố. Các tài liệu chính để các tác giả tham khảo gồm các sách *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* của Lê Quang Định (năm 1759 - 1813), *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự Đức (năm 1882), *Đồng Khánh địa dư chí lược* (năm 1886) và *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (năm 1765 - 1825).

Đại Nam nhất thống chí là một tác phẩm viết về địa lí, phong tục, danh thần, liệt nữ... như một loại địa phương chí được biên soạn công phu, chính xác về các chủ đề như đã nêu.

(1) Cao Xuân Dục (năm 1842 - 1923): nhà nghiên cứu Sử, địa phương chí, tự Tử Phát, hiệu Long Cương, quê xã Thịnh Kháng (sau đổi là Thịnh Mĩ) huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ An).

Năm 1877, đỗ cử nhân, làm quan đến Thượng thư Bộ Học, Tổng tài Quốc Sử quán. Ông là người chủ biên, tác giả nhiều bộ sử, địa chí có giá trị của nước ta: *Quốc triều hương khoa lục*, *Quốc triều đăng khoa lục*, *Đại Nam dư địa chí*...

Sách này trước đây tàng trữ tại Viện Văn hóa Trung Việt (Huế), sau đưa vào Viện Khảo cổ Sài Gòn... Hiện nay sách được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, có kí hiệu Việt Nam 4373 (tỉnh Quảng Ngãi, quyển VI). Tác phẩm hiện đã được dịch sang tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1969, Hà Nội, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính và bản Nha Văn hóa Bộ Giáo dục, Sài Gòn do Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, 1964, Sài Gòn.

Sau đây là đoạn viết về Hoàng Sa, Trường Sa như sau:

Âm:

Đại Nam nhất thống chí, quyển chi lục. Quảng Nghĩa tỉnh.

Phần hình thể

Đông hoành sa đảo (Hoàng Sa đảo) liên thượng hải dĩ vi trì, Tây thống sơn man thế trường lũy dĩ vi cố, nam lân Bình Định thạch luật cương đương kì xung, bắc tiếp Quảng Nam sa thổ than vi chí hạn.

Nghĩa:

Phía Đông có đảo Hoàng Sa nằm ngang, liên tiếp giữa biển lớn làm ao sâu (nguyên văn chữ trì dịch nghĩa là ao. Chữ trì thường hay đi với chữ thành “thành trì” là để bảo vệ nơi trung tâm hành chánh, quân sự địa phương), phía Tây phòng ngự Sơn Man quấy nhiễu, có lũy đá dài để giữ cho vững chắc; phía Nam giáp đèo Bến Đá (Bình Định) đường nẻo yếu xung; phía Bắc tiếp giáp động cát Quảng Nam chia làm giới hạn.

(Nguyễn Tạo dịch)

Phần các đảo ngoài khơi biển Đông sách viết:

大南一總誌卷之六

廣義省

黃沙島在哩島之東自沙圻海岸放洋順風三四日夜可至島上群山羅列凡一百三十餘峰相隔或一日程或數更許島之中有黃沙洲延袤不知幾千里俗名萬里長沙洲上有井甘泉出焉海鳥群集不知紀極多產

海參玳瑁文螺龜鯨等物諸風難船貨物匯聚於此
國初置黃沙隊七十人以安永社民充之歲以三月出洋
採海物八月由思賢海口回納又置北海隊令黃沙隊
兼管往北海崑崙諸島覓採海物島之東近清國海南
瓊州府嘉隆初倣舊制置黃沙隊尋罷之明命初常遣
官船至其處探訪海程有一處白沙堆周一千七十丈
樹木森茂堆之中有井西南有古廟不知可代所建碑
刻萬里波平四字舊名佛寺山其兩岸皆珊瑚石斜繞
水面西北突起一堆周三百四十丈二尺與沙堆齊名
盤灘石明命十六年命官船運磚石前往建寺左豎石
碑爲誌辰兵夫應役掘得銅葉鋼鐵二千餘斤

Âm:

Đại Nam nhất thống chí, quyển chi lục, Quảng Nghĩa tỉnh:

Hoàng Sa đảo tại Lí chi đông, tự Sa Kì hải ngạn phóng dương thuận phong tam tứ nhật dạ khả chí, đảo thượng quần sa la liệt, phàm nhất bách tam thập dư phong, tương cách hoặc nhất nhật trình, hoặc sở canh hứ. Đảo chi trung hữu Hoàng Sa châu diên mâu bất tri kỉ thiên lí, tục danh “Vạn Lí Trường Sa châu” thượng hữu tỉnh, cam tuyên xuất yên. Hải điều quần tập, bất tri kỉ cự, đa sản hải sâm, đại mội, văn loa, ngoan miết đẳng vật. Chư phong nạn thuyền hóa vật hối tự ư thử.

Quốc sơ trí Hoàng Sa đội thất thập nhân dĩ An Vĩnh xã dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt xuất dương thái hải vật, bất nguyệt do Tư Hiền hải khẩu hồi nộp. Hựu trí Bắc Hải đội lệnh Hoàng Sa kiêm quản, vãng Bắc Hải Côn Lôn chư đảo mịch thái hải vật. Đảo chi đông cận Thanh quốc Hải Nam Quỳnh Châu phủ.

Gia Long sơ phỏng cựu chế trí Hoàng Sa đội tầm bãi chi Minh Mạng sơ thường khiển quan thuyền chí kì xứ thám phỏng hải trình, hữu nhất xứ Bạch Sa đội, chu nhất thiên thất thập trượng, thụ mộc sâm mậu, đôi tri trung hữu tỉnh, tây nam hữu cổ miếu, bất tri hà đại sở kiến, bi khắc “Vạn Lí ba bình” tứ tự, cựu danh Phật sơn tự, kì lương ngạn giai san hô thạch tà nhiều thủy diện, tây bắc đột khởi nhất đôi, chu tam bách tứ thập trượng nhị xích, dữ sa đôi tề danh Bàng Thang thạch.

Minh Mạng thập lục niên, mệnh quan thuyền vận chuyển thạch tiền vãng kiến tự, tả thụ thạch bi vi chí. Thời binh phụ ứng dịch quật đắc đồng điệp cương thiết nhị thiên dư cân (tờ 16 - 17).

Nghĩa:

Đảo Hoàng Sa

Ở phía đông cù lao Ré, từ bờ biển Sa Kỳ, ghe chạy dọc ra khơi, thuận gió thì ba, bốn ngày sẽ đến nơi. Trên đảo có các núi la liệt hơn 130 ngọn, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc trong vài trống canh. Trên đảo có đảo Hoàng Sa (Cát Vàng) kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục danh là Vạn Lí Trường Sa. Trên bãi cát có giếng nước ngọt, loài chim quần tụ ở đó không biết ngần nào mà kể. Lại có các sản vật như: Hải sâm, đại môi (đồi môi), vãn loa (ốc có vãn) và ngoan niết (ba ba). Những ghe thuyền chở hóa vật bị nạn gió phải vào núp ở đây.

Vào đầu triều chúa Nguyễn có đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào. Thường năm vào độ tháng ba cho ghe ra biển tìm lấy hải vật nơi ấy, qua tháng 8 chạy vào cửa biển Tư Hiền cung nạp. Lại đặt đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản đến đảo Bắc Hải và đảo Côn Lôn tìm bắt hải vật. Phía đông đảo này gần phủ Quỳnh Châu thuộc tỉnh Hải Nam, nước Trung Hoa.

Lúc đầu niên hiệu Gia Long cũng phỏng theo chế độ cũ đặt đội Hoàng Sa, sau đó triệt bỏ. Vào đầu niên hiệu Minh Mạng thường sai binh thuyền đến nơi đó để dò xét hải trình, thấy có một gò cát trắng, chu vi khoảng 1.070 trượng, cây cối xanh tươi rậm rạp, trong gò ấy có giếng nước, phía tây có ngôi miếu cổ không biết dựng từ lúc nào hồi ấy có tấm bia chạm bốn chữ “Vạn Lí ba bình” (sóng lặng muôn dặm), nguyên tên xưa gọi là Phật tự sơn, hai bên đều trải đá san hô, quanh ra đến mặt nước: Phía tây bắc đột khởi một cái gò chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 2 thước, bằng gò nói trên tên gọi là Bàn Thang thạch.

Niên hiệu Minh Mạng thứ 16 (năm 1835) sai đội quan thuyền chở gạch đá ra đắp dựng chùa; phía bên tả có dựng bia đá làm dấu tích.

Thuở ấy binh phu ứng dịch tại đấy, đào được đồng lá và gang sắt trên 2.000 cân.

(Tu Trai Nguyễn Tạo dịch)

5. *Việt sử cương giám khảo lược*

Tác phẩm này do Nguyễn Thông (năm 1827 - 1894)⁽¹⁾ biên soạn. Sách có nhiều tên gọi khác nhau: *Việt sử giám khảo lược*, *Việt sử khảo yếu* hay *Việt sử khảo lược*.

Bộ sách này được Nguyễn Thông viết xong năm 1877 sau khi tác giả tham gia vào việc khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc Sử quán triều Nguyễn vào năm 1867. Đây là một bộ lịch sử Việt Nam giản lược gồm bảy quyển. Khi viết bộ sử này, Nguyễn Thông có tham khảo nhiều nguồn tư liệu cũ và một số sách khác của Trung Quốc nhằm đính chính một vài sai lầm của các sách in trước đó.

Trong quyển IV có đoạn nói về Hoàng Sa, Trường Sa như sau:

Dịch nghĩa :

Vạn Lí Trường Sa

Vạn Lí Trường Sa thuộc đảo Lí Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (tục gọi ngoài Lao, người Trung Quốc thì nói ngoài La). Đi thuyền theo hướng Đông chạy ra, chỉ 3 ngày đêm đến nơi. Nước Việt Nam ta xưa kia thường chọn người đình tráng ở hai đội An Hải và An Vĩnh đặt làm đội Hoàng Sa để thu lượm hải sản, mỗi năm cứ tháng 2 ra đi, tháng 8 trở về.

Bãi cát từ Đông qua Nam, nổi lên chìm xuống, kể hàng nghìn trăm dặm, trong đó có những vũng sâu, thuyền tàu có thể đậu được. Trên bãi có sản xuất nước ngọt, chim biển phần nhiều không biết gọi tên gì. Có ngôi miếu cổ lợp ngói, có tấm biển khắc bốn chữ: “Vạn Lí Ba Bình” (muôn dặm sóng yên), không rõ xây dựng từ đời nào. Quân lính ra đó thường mang các thứ cây quả phương

(1) Nguyễn Thông (năm 1827 – 1894): Danh sĩ, sử gia Việt Nam, nguyên tên cũ là Nguyễn Thái Thông, sau lấy tên là Nguyễn Thông, tự là Hi Phần, hiệu Kì Xuyên, biệt hiệu là Độn Am. Người làng Bình Thạnh, tổng Thạnh Hội Hạ, huyện Tân Thạnh, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Phú Ngãi, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An).

Thuở nhỏ thông minh, hiếu học, năm 1894 ông đỗ Cử nhân tại Trường thi Gia Định, năm 1851 thi Hội, phạm trường qui nên hỏng, vì nhà nghèo phải đi làm quan tại An Giang, năm 1856 về làm việc tại Quốc Sử quán. Năm 1859 Pháp chiếm Nam Kỳ, ông đầu quân, sau Hòa ước Nhâm Tuất (năm 1862) ông làm Đốc học Vĩnh Long, năm 1867 Nam Kỳ bị mất trọn, ông ra tị địa tại Phan Thiết rồi được cử làm Án sát Khánh Hòa rồi Án Sát Quảng Ngãi, năm 1874 làm việc ở bộ Lễ, năm 1876 giữ chức Tư nghiệp tại Quốc tử giám. Trong thời gian này ông viết *Việt sử thông giám cương mục khảo lược* để đính chính một số sai lầm trong các sách cũ. Năm 1877, ông giữ chức Doanh điền sứ Bình Thuận, rồi Bó chánh Bình Thuận, Đốc học Bình Thuận.

Ông mất ngày 27-8-1884 tại phủ Hàm Thuận cùng tỉnh, an táng tại đó.

Ngoài một nhà thơ, sử gia lớn của Việt Nam Nguyễn Thông còn là một học giả.

Bên cạnh *Việt Sử thông giám cương mục khảo lược*, Nguyễn Thông còn để lại mấy tác phẩm giá trị:

– *Độn Am thi văn tập*

– *Kì Xuyên thi văn tập*

– *Kì Xuyên công độc*.

Ông là thân sinh Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh - những người chủ trì phong trào Duy tân ở Bình Thuận năm 1905 - 1908.

Nam tới gieo trồng xung quanh miếu để ghi dấu vết. Từ ngày đội Hoàng Sa triệt bỏ cho đến nay không còn ai qua lại chốn ấy nữa. Trong những truyện kể người đời xưa để lại, thường nói đến những thắng cảnh của mười châu, ba đảo ở ngoài biển. Ngày nay xem ra, không thể bảo rằng không có những đất như thế, nhưng cho đó là hang thần động tiên thì thật là sai lầm⁽¹⁾.

Với hàng chục sử liệu cũ của Quốc Sử quán triều Nguyễn và tư nhân đề cập đến Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa vừa nêu. Những sử liệu ấy đã chứng minh cho chủ quyền Việt Nam trên các hải đảo này, chậm nhất là vào thế kỉ XVII.

Như đã dẫn, sử liệu xưa nhất viết về Hoàng Sa, Trường Sa ngày nay còn tìm thấy đầy đủ và rõ ràng, đó là các tư liệu sau:

Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư được soạn vào cuối thế kỉ XVII (đã viết ở trên). Đây là một tư liệu chính xác về hình thể, vị trí cũng như đặc tính của danh xưng *Bãi Cát Vàng* thay vì Trường Sa, Hoàng Sa như các tư liệu sau đó. Việc một nho sĩ - rất quý trọng và quen dùng từ Hán - đã trung thành với truyền thống dân tộc, là đã dùng thuật ngữ thuần Nôm *Bãi Cát Vàng* để chỉ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, một phần lãnh thổ Việt Nam, là một chứng cứ hùng hồn và xác thực nhất. Điều ấy nói lên tính cách đại chúng của vấn đề mà sau này các nhà nghiên cứu kế tiếp đều phải tham khảo.

Chính nhờ vào cơ sở căn bản của tư liệu này mà một vài nhà nghiên cứu phương Tây đã vẽ lại thành các lộ đồ, bản đồ, như: *Bản đồ đường qua Quảng Nam*, *Bản đồ xứ Quảng Nam* (trong *Giao Châu chí* của Henri Maspéro). Với bản đồ này có hình *Bãi Cát Vàng* ở ngoài khơi, đối diện với khu vực từ phủ Tư Nghĩa đến phủ Hà Đông (tức từ cửa Sa Kỳ - Bắc Quảng Ngãi - đến thị xã Hội An).

Còn *Bản đồ đường qua Quảng Nam* của H.Dumoutier có vẽ một bãi cát ghi tên là *Bãi Cát Vàng* và *đảo Du Trường* (tức Cù lao Ré ở Quảng Ngãi). Sau này, Giám mục Taberd khi ghi trên bản đồ là *Cát Vàng* (còn trong bài viết thì ghi là *Cồn Vàng*). Điều đó cho mọi người an tường sử, địa thấy các bản đồ sau này đều sử dụng tư liệu trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* như một văn kiện gốc. Sau này trên các bản đồ ấy, các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã chỉnh lí, bổ sung; do đó các bản đồ sau có nhiều chi tiết và được miêu tả tỉ mỉ hơn.

Vậy, với các bản đồ và tư liệu gốc của Đỗ Bá vừa dẫn, cho phép mọi người tin rằng Hoàng Sa, Trường Sa đã là một phần lãnh thổ Đại Việt, do người Việt hành sử, chậm nhất là vào thế kỉ XVII (năm 1630 - 1653).

(1) Xem Nguyễn Thông, *Việt sử cương giám khảo lược*, trong *Nguyễn Thông Con người và tác phẩm*. Ca Văn Thỉnh, Bảo Định Giang, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1984.

Cùng với *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* vừa nêu, sử liệu của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và của Quốc Sử quán triều Nguyễn càng chứng minh thêm cho tính cách pháp lí về chủ quyền Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam một cách khoa học và xác tín nhất.

Điều quan trọng là các sử liệu này đều là tiếng nói chính thức của nhà nước phong kiến Việt Nam đương thời. Chính vì vậy, nó có tính cách pháp lí nhà nước và Công pháp quốc tế.

Công việc hành sử chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ đó vẫn được tiếp tục duy trì đến đời các chúa Nguyễn (năm 1558 - 1776). Điều đó, được thấy rõ qua việc lập các đội hải quân: *Bắc Hải đội*, *Hoàng Sa đội* do Thuyền Đứcc hầu, một nhà quân sự chuyên nghiệp hải quân phụ trách. Phạm vi hoạt động của các đội hải quân Hoàng Sa, Bắc Hải rất rộng, từ Hà Tiên (Việt Nam) đến phía Nam đảo Hải Nam (Trung Quốc). Nhiệm vụ của các hải đảo này không những đến Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác thu nhặt hải vật, súng đạn, tiền bạc... do các tàu nước ngoài bị bão đánh đắm trôi dạt vào, mà nhiệm vụ chính của họ là tuần tra, do thám và đo đạc thủy trình trên Biển Đông, nhất là bảo vệ mặt biển Tổ quốc. Các hải đội này được thành lập từ đời Nguyễn Phước Trấn (năm 1687 - 1691) - và có thể từ trước nữa - mà sau này chúng ta được biết qua *Hải ngoại kỉ sự* của Thích Đại Sán (năm 1633 - 1704) cùng các tư liệu của các giáo sĩ và thương gia phương Tây (xem sau).

Việc hành sử chủ quyền này được kéo dài mãi đến cuối đời Chúa Nguyễn Phước Khoát (năm 1738 - 1765), Nguyễn Phước Thuận (năm 1765 - 1766). Tình hình trong nước lúc bấy giờ đã thối nát; vả lại, nghĩa quân Tây Sơn hồi ấy trở thành một lực lượng quyết định cho vận mạng dân tộc. Chủ quyền Việt Nam trên các hải đảo cũng bị bỏ ngỏ và do đó các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải cũng tạm thời ngưng hoạt động trên lãnh hải này chỉ trong một thời gian ngắn.

Suốt trong thời gian có cuộc chiến tranh giữa lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Ánh, việc hành sử chủ quyền trên Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác bị đứt quãng từ năm 1776 đến 1802. Nhưng từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, vấn đề chủ quyền trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác lại được tiếp tục duy trì và phát triển mạnh hơn bao giờ hết.

Vào giai đoạn này (năm 1802 - 1848) dưới hai triều Gia Long, Minh Mạng, việc bảo vệ lãnh thổ được triều đình nhà Nguyễn quan tâm cao độ. Công việc giữ nước này được Quốc Sử quán triều Nguyễn ghi lại rất đầy đủ qua các chi tiết trong các sử liệu đã dẫn ở trên. Đó là việc tái lập *đội Hoàng Sa*, *đội Bắc Hải* do các nhà quân sự chỉ huy như Phạm Hữu Nhật, Phạm Quang Ảnh, Trương Phúc Sĩ... đảm trách. Và tên của các vị này được nhân dân Việt Nam đặt tên

cho các đảo đã trở thành một sự thật không ai có thể chối bỏ, dị nghị được.

Các nhà chỉ huy hải quân này đến Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác đều do lệnh của Vua để dựng bia chủ quyền, lập miếu thờ, vẽ bản đồ hải đảo và đo đạc hải trình. Điều đáng chú ý là lực lượng các đội hải quân từ Chúa Nguyễn (năm 1558 - 1776) đến triều Nguyễn (năm 1802 - 1945) đều rất mạnh. Các đội này không những mạnh về số lượng (đội Hoàng Sa gồm 70 suất, đội này kiêm lãnh luôn đội Bắc Hải) mà chất lượng của nó đã quyết định cho nhiệm vụ của họ trên đại dương. Binh sĩ trong các đội hải quân này được kén chọn kĩ lưỡng trong dân chúng ở các xã An Vĩnh, An Hải tỉnh Quảng Ngãi, hoặc người ở làng Tư Chánh thuộc tỉnh Bình Thuận hoặc người Cảnh Dương thuộc tỉnh Quảng Bình. Nghĩa là dân sống ven biển và xuất thân từ các gia đình ngư nghiệp, nên họ rất thích nghi với sinh hoạt biển cả.

Hoạt động của các hải đội trong triều Nguyễn trên vùng biển Việt Nam kéo dài từ Hà Tiên, Côn Lôn đến sát đảo Hải Nam (Trung Quốc), đến khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp thôn tính mới bị đình trệ. Như vậy, công tác của các đội hải quân này đã liên tục trong một thời gian dài gần ba thế kỉ (năm 1613 - 1883) tức là thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (năm 1613 - 1635) đến đời Tự Đức (năm 1818 - 1883) trên các khu vực thuộc vùng biển Việt Nam bao gồm Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác.

Điều cần biết là phạm vi hoạt động của các hải đội này không gặp một sự va chạm nào giữa lực lượng hải quân Việt Nam và các lực lượng hải quân Trung Quốc và các nước khác. Nếu vì công vụ, các hải đảo đội Việt Nam bị nạn thì chính quyền Trung Quốc thời đó đã nhiệt tình cứu giúp. Chẳng hạn vào năm 1753 (Cảng Long thứ 18) một chiến thuyền thuộc *đội Hoàng Sa* bị bão trôi dạt vào cảng Quỳnh Châu (Trung Quốc), liền được người Trung Quốc xem xét và tận tình giúp đỡ lương thực, phương tiện để trở về Việt Nam mà không có lời phản kháng đối với triều đình Việt Nam. Thế cho nên, Chúa Nguyễn đã có văn thư phúc đáp, cảm ơn sự giúp đỡ trên của nhà cầm quyền huyện Văn Xương thuộc Hải Nam (Trung Quốc) (xem *Phủ biên tạp lục*).

Công việc hành sử chủ quyền trên còn được thấy qua các di tích trên Hoàng Sa như Bia chủ quyền, Miếu Bà... (xem phần miêu tả các đảo), chùa Phật Sơn, miếu thờ thần, bia đá, thẻ gỗ ghi mực nước, nhất là công tác trồng cây⁽¹⁾.

Gần đây hơn (1939) vua Bảo Đại cũng đã “chuẩn y” (đồng ý cho thi hành) *tờ tâu* của *Ngự tiền văn phòng* Phạm Quỳnh cho phép khen thưởng “Ngạch binh Thanh khố Trung Kỳ” (Ngạch lính khố xanh Trung Kỳ) đóng quân ở đồn phòng thủ quần đảo Hoàng Sa.

(1) Theo Nguyễn Q. Thắng, *Hoàng Sa Trường Sa lãnh thổ Việt Nam – Nhìn từ Công pháp Quốc tế*, NXB Tri Thức, 2008, Hà Nội.

Tờ *Châu bản* kí ngày 15 tháng 2 năm 1939 (27 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 13) là văn bản quốc gia cao cấp nhất của hoàng đế An Nam - Việt Nam - vua Bảo Đại đã thể hiện sự xuyên suốt từ chúa Nguyễn sang triều Nguyễn; tức từ thời Lê Mạt (1775) Lê Hiển tông, Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... cho đến vua cuối cùng của triều Nguyễn là vua Bảo Đại.

Đây là một trong các sử liệu pháp lí tuyệt đối chính xác như Thượng thư Thân Trọng Huề (1869-1925),⁽¹⁾ xác nhận ngày 3-3-1925 là “Hoàng Sa thuộc về Việt Nam từ lâu và không có gì phải tranh cãi.”

Với các sử liệu cổ, từ Đỗ Bá (thiếu tên) đến Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và các sử thần trong Quốc Sử quán triều Nguyễn là những bằng cứ không thể nào phủ nhận được.

Do vậy, chúng ta có quyền - và đã từng - khẳng định: Quần đảo Hoàng Sa ngày nay là *huyện đảo Hoàng Sa* thuộc thành phố Đà Nẵng và Quần đảo Trường Sa là *huyện đảo Trường Sa* thuộc tỉnh Khánh Hòa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền khẳng định này không có một sử liệu nào của Trung Quốc hoặc của một nước nào khác có thể đặt ngược vấn đề.

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Tự điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB TP.HCM, 2006.